

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/DS-ST
Ngày: 23-7-2020
V/v tranh chấp hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH
TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Lý.
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Chánh Nhật –Thẩm phán Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2020/TLST – DS ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963

Địa chỉ: Ấp 2, xã Thủy T, huyện TH, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1960

Ông Hồ Thanh L, sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Long An.

(Tất cả có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nội dung sự việc tại Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Năm 2017 bà có tham gia hội do bà Lê Thị H làm chủ thảo, bà tham gia ba dây; cụ thể là dây 1: 1.000.000đ, gồm 26 phần, bà tham gia 01 phần, hội đã mất, bà H1 còn nợ hội là 25.000.000đ. Dây 2: 2.000.000đ, 21 phần, bà tham gia một

phần, hui đã mất và bà H1 nợ hui bà là 40.000.000đ. Dây 3: 1.000.000đ, gồm 30 phần, tham gia 02 phần, đóng được ba tháng là 6.000.000đ. Tổng cộng bà H1 nợ hui bà là 71.000.000đ. Ngày 01/12/2019 bà H1 có viết cho bà giấy nợ là nợ hui 71.000.000đ và hẹn tháng 02/2020 (Âm lịch) sẽ trả. Tuy nhiên quá hạn mà bà H1 chưa trả được nợ nên bà khởi kiện yêu cầu bà H1 và ông Hoài là chồng bà H1 liên đới trả cho bà 71.000.000đ tiền nợ hui và không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn bà Lê Thị H trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày bà H là đúng. Bà thừa nhận còn nợ bà H 71.000.000đ tiền hui. Nhưng do hoàn cảnh bà còn nợ rất nhiều người không có khả năng trả một lần nên xin được trả dần vào năm sau; cụ thể là bắt đầu vào năm 2021, mỗi tháng trả 1.000.000đ cho đến khi hết nợ.

* Bị đơn ông Hồ Thanh L trình bày: Ông và vợ ông là bà Lê Thị H thừa nhận còn nợ bà H tiền hui là 71.000.000đ và ông đồng ý cùng bà H1 liên đới trả cho bà H số tiền nợ hui trên. Tuy nhiên do hoàn cảnh vợ chồng ông còn nợ rất nhiều người không có khả năng trả một lần nên xin được trả dần vào năm sau; cụ thể là bắt đầu vào năm 2021, mỗi tháng trả 1.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Nguyên đơn bà H trình bày: Bà không đồng ý với phương thức trả nợ của bà H1 và ông L mà yêu cầu bà H1 và ông L liên đới trả cho bà một lần số tiền nợ hui là 71.000.000đ.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, các bị đơn chấp hành đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Năm 2017 bà có tham gia hui do bà Lê Thị H làm chủ thảo, bà tham gia ba dây; cụ thể là dây 1: 1.000.000đ, gồm 26 phần, bà tham gia 01 phần, hui đã mất, bà H1 còn nợ lại 25.000.000đ. Dây thứ 2: 2.000.000đ, 21 phần, bà tham gia một phần, hui đã mất và bà H1 nợ bà là 40.000.000đ. Dây 3: 1.000.000đ, gồm 30 phần, tham gia 02 phần, đóng được ba tháng là 6.000.000đ. Tổng cộng bà H1 nợ hui bà là 71.000.000đ. Ngày 01/12/2019 bà H1 có viết cho bà giấy nợ là nợ hui 71.000.000đ và hẹn tháng 02/2020 (âm lịch) sẽ trả. Tuy nhiên quá hạn mà bà H1 chưa trả được nợ nên bà khởi kiện yêu cầu bà H1 trả 71.000.000đ tiền nợ hui và không yêu cầu tính lãi. yêu cầu bà H1 và ông Hoài liên đới trả cho bà một lần số tiền nợ hui là 71.000.000đ. yêu cầu trả 01 lần và không tính lãi.

* Bị đơn bà Lê Thị H trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của bà H là đúng. Bà thừa nhận còn nợ bà H 71.000.000đ tiền hui. Nhưng do hoàn cảnh bà còn nợ rất nhiều không có khả năng trả một lần nên xin được trả dần vào năm sau; cụ thể là bắt đầu vào năm 2021, mỗi tháng trả 1.000.000đ cho đến khi hết nợ.

+ Ông Hồ Thanh L trình bày: Ông và vợ ông bà Lê Thị H thừa nhận còn nợ bà H tiền hui là 71.000.000đ và ông đồng ý cùng bà H1 liên đới trả cho bà H số tiền nợ hui trên. Tuy nhiên do hoàn cảnh vợ chồng ông còn nợ rất nhiều không có

khả năng trả một lần nên xin được trả dần vào năm sau; cụ thể là bắt đầu vào năm 2021, mỗi tháng trả 1.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Bị đơn thống nhất số tiền nợ hui còn thiếu của nguyên đơn là 71.000.000đ phù hợp với chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, Bị đơn đồng ý liên đới trả nợ cho nguyên đơn. Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là có căn cứ chấp nhận. Phương thức và cách thức thanh toán thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vào ngày 29/6/2020 Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An thụ lý đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc “Tranh chấp hui” với bà Lê Thị H và ông Hồ Thanh L; địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Long An làm phát sinh vụ án tranh chấp hợp hui thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Ngày 29/6/2020 các bên đương sự phát sinh tranh chấp khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An. Sau khi xem xét, đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và căn cứ vào Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì vụ án trên còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Về nội dung vụ án:

Năm 2017 bà Nguyễn Thị H có tham gia hui do bà Lê Thị H làm chủ thảo, bà H tham gia ba dây; cụ thể là dây 1: 1.000.000đ, gồm 26 phần, bà tham gia 01 phần, hui đã mãn, bà H1 còn nợ hui là 25.000.000đ. Dây 2: 2.000.000đ, 21 phần, bà H tham gia một phần, hui đã mãn và bà H1 nợ hui bà là 40.000.000đ. Dây 3: 1.000.000, gồm 30 phần, bà H tham gia 02 phần, đóng được ba tháng là 6.000.000đ. Tổng cộng bà H1 nợ hui bà H là 71.000.000đ. Ngày 01/12/2019 bà H1 có viết cho bà giấy nợ là nợ hui 71.000.000đ và hẹn tháng 02/2020 (Âm lịch) sẽ trả. Tuy nhiên quá hạn mà bà H1 chưa trả được nợ nên bà khởi kiện yêu cầu bà H1 và ông Hoài là chồng bà H1 liên đới trả cho bà 71.000.000đ tiền nợ hui và không yêu cầu tính lãi. Do đó, căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định đây là “Tranh chấp hui” và yêu cầu trả nợ của bà H có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị H thừa nhận có còn nợ 71.000.000đ tiền hui đúng như bà H trình bày. Nhưng do hoàn cảnh bà còn nợ rất nhiều người không có khả năng trả một lần nên xin được trả dần vào năm sau; cụ thể là bắt đầu vào năm 2021, mỗi tháng trả 1.000.000đ cho đến khi hết nợ. Bị đơn ông Hồ Thanh L thống nhất đây là nợ chung của vợ chồng và ông đồng ý cùng bà H1 liên đới trả nợ cho bà H số tiền trên và phương thức trả nợ đúng như bà H1 trình bày. Do bà H1 và ông L là vợ chồng, ông L thống nhất số nợ trên là nợ chung và đồng ý liên đới với bà H1 trả nợ cho bà H nên việc bà H yêu cầu ông L liên đới cùng bà H1 trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

Về phương thức trả nợ: Nguyên đơn không đồng ý với phương thức trả nợ của bị đơn. Xét thấy việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã làm ảnh hưởng đến

quyền và lợi ích hợp pháp của bà H nên buộc bị đơn trả cho bà H một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ.

[4] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TH, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị H và ông Hồ Thanh L phải chịu 3.550.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị H sinh năm 1960, người cao tuổi trong trường hợp được miễn tạm ứng án phí theo điểm đ, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 nên ông Hồ Thanh L phải chịu 1.775.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí nên hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ, Điều 12, Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Lê Thị H và ông Hồ Thanh L liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 71.000.000đ (bảy mươi một triệu đồng).

Trường hợp bà Lê Thị H và ông Hồ Thanh L chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Lê Thị H và ông Hồ Thanh L phải chịu 3.550.000đ (ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị H sinh năm 1960, người cao tuổi trong trường hợp được miễn tạm ứng án phí theo điểm đ, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 nên ông Hồ Thanh L phải chịu 1.775.000đ (một triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H 1.775.000đ (một triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003352 ngày 26/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TH, tỉnh Long An.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, các bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện TH;
- CC THADS huyện TH;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Lý Nguyễn Thị Thanh Vân

Nguyễn Thị Kim Hương

